

KẾ HOẠCH
THI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 KHÓA 27, 28, 29 HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY VÀ
VÀ KHÓA 20F HỆ CAO ĐẲNG VỪA LÀM VỪA HỌC
(Từ ngày 24/12/2025 đến ngày 15/01/2026)

STT	Thứ Ngày thi	Buổi	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	LỚP	Số SV	Số phòng	Tên phòng
1	Thứ 4 24/12/2025	Sáng	Chương trình GDMN và phát triển, tổ chức thực hiện	3	TL	27M	123	5	A301, A302, A303, A304, A305
2		Chiều_Ca1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	TL	28A3	9	1	A301
3			Biên dịch Nhật-Việt cơ bản	2	TL	28D6	6	1	A302
4			Ngữ pháp nâng cao	2	TL	28D1, 28D2	15		
5			Đường lối cách mạng của Đảng CS VN	3	TN VT	28M	113	3	VT00, VT01, VT02
6			Đường lối cách mạng của Đảng CS VN	3	TN VT	28M		2	VT00, VT01
7	Thứ 5 25/12/2025	Sáng	Cải cách thủ tục hành chính	2	TL	27C7	20	1	A301
8			Tiếng Anh du lịch 2	2	TL	27D1,D2	53	2	A302, A303
9			Chứng từ sổ sách kế toán và khai báo thuế	3	TL	27K	29	1	A401
10			Phân tích và trực quan hóa dữ liệu với Python	3	TH VT	27A3	8	1	VT05
11			Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	TH VT	27KD	14		

STT	Thứ Ngày thi	Buổi	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	LỚP	Số SV	Số phòng	Tên phòng
12		Chiều	Đàm phán và giao dịch thương mại quốc tế	3	TL	28KD	14	1	A301
13			Tiếng Nhật – Viết 3	3	TL	28D6	6		
14			Đọc 2	2	TN	28D1, 28D2	51	2	A302, A303
15			Kế toán doanh nghiệp 1	3	TL	28K	41	2	A304, A305
16	Thứ 6 26/12/2025	Sáng	Nghiệp vụ hải quan	3	TL	27KD, 28KD	28	1	A301
17			Kế toán máy	3	TH VT	27K	28	1	VT00
18			Ứng dụng CNTT trong quản trị văn phòng	2	TH VT	27C7	20	1	VT03
19		Chiều	Giáo dục học Mầm non 2	3	TL	28M	114	5	A301, A302, A303, A304, A305
20			Phương pháp giảng dạy 1	2	TL	28D1, 28D2	47	2	A306, A401
21		Sáng	Giáo dục gia đình	2	TL	27M	40	2	A301, A302
22			Văn hóa công sở	3	TL	27K, 27C7	48	2	A303, A304
23	Thứ 2 29/12/2025	Chiều	Nghe 3	2	TN	28D1, 28D2	48	2	A303, A305
24			Quản trị nhân sự	2	TL	28C7	34	1	A401
25			Tài chính doanh nghiệp	3	TL	28K	41	2	A402, A403
26			Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	TH VT	28A3	9	1	VT03

STT	Thứ Ngày thi	Buổi	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	LỚP	Số SV	Số phòng	Tên phòng
27	Thứ 3 30/12/2025	Sáng	Viết và đọc nâng cao	3	TL	27D1,D2	52	2	A301, A302
28			Logistic và chuỗi cung ứng	2	TL	27KD, 28KD	28	1	A401
29			Kỹ thuật tổ chức công sở	2	TN VT	27C7	20	1	VT02
30		Chiều	Kinh tế vĩ mô	2	TL	28K, 28KD	55	2	A301, A302
31			Viết 2	2	TL	28D1, 28D2	59	2	A303, A304
32			Luật hành chính Việt Nam	3	TL	28C7	34	1	A401
33	Thứ 4 31/12/2025	Sáng	Giáo dục hòa nhập	2	TL	27M	121	5	A301, A302, A303, A304, A305
34		Chiều	Phương pháp làm quen với văn học	2	TL	28M	113	4	A301, A302, A303, A304
35			Thuế	3	TL	28K	41	2	A306, A401
36	Thứ 6 02/01/2026	Sáng	Quản lý trong giáo dục Mầm non	2	TL	27M	84	4	A301, A302, A303, A304
37			Nhập môn lập trình	3	TH VT	29A3	20	1	VT01
38			Kế toán excel	3	TH VT	27K	28	1	VT02
39		Chiều	Tâm lý học quản lý	2	TL	28C7	34	2	A301, A302
40			Địa lý và dân cư Nhật Bản	2	TL	28D6	6		
41			Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	TH VT	28K	41	2	VT00, VT01
42			Thiết kế Web	3	TH VT	28A3	9		

STT	Thứ Ngày thi	Buổi	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	LỚP	Số SV	Số phòng	Tên phòng
43	Chủ nhật 04/01/2026	Sáng_Ca1	Giáo dục học mầm non	2	TL	20F	60	2	A301, A302
44		Sáng_Ca2	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	2	TL	20F	60	2	A301, A302
45	Thứ 2 05/01/2026	Sáng	Nghịệp vụ giao nhận, vận tải và Bảo hiểm ngoại thương	3	TL	27KD, 28KD	28	1	A301
46			Ngữ pháp 1	2	TL	29D1, 29D2	98	4	A302, A303, A304, A305
47		Chiều	Tin học	4	TH VT	28M	114	4	VT00, VT01, VT02, VT03
48	Thứ 3 06/01/2026	Sáng	Phương pháp phát triển thể chất	2	TL	27M	123	5	A301, A302, A303, A304, A305
49		Chiều	Pháp luật kinh tế	2	TL	28K	41	2	A301, A302
50			Tiếng Anh chuyên ngành	2	TL	28KD	17	1	A303
51			Tiếng Nhật - Hán tự đọc hiểu 2	3	TL	28D6	6		
52			Tiếng Nhật 3	2	TL	28D1, 28D2	59	2	A401, A402
53			Lập trình hướng đối tượng với Java	3	TH VT	28A3	9	1	VT02
54	Thứ 4 07/01/2026	Sáng_Ca1	Thanh toán quốc tế	2	TL	27K	28	1	A301
55			Quản trị sản xuất	3	TL	27KD	14	1	A302
56			Quản trị học	2	TN VT	29K, 29C7	96	4	VT00, VT01, VT02, VT03
57		Sáng_Ca2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin	5	TN VT	29M	68	3	VT00, VT01, VT02
58		Chiều	Tiếng Anh 3	2	TL	K28	218	8	A301, A302, A303, A304, A305, A306, A403, A404

STT	Thứ Ngày thi	Buổi	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	LỚP	Số SV	Số phòng	Tên phòng
59	Thứ 5 08/01/2026	Sáng	Tổ chức sự kiện	2	TN VT	27C7	20	1	VT01
60			Thông kê kinh doanh	3	TL	27K	28	1	A302
61			Tiếng Nhật 1	2	TL	29D1, 29D2	85	3	A304, A305, A306
62		Chiều	Tiếng Việt thực hành	2	TL	28D1, 28D2, 28D6	54	2	A301, A302
63			Lập trình Python	3	TH VT	28A3	9	2	VT00, VT01
64			Văn bản quản lý nhà nước và kỹ thuật soạn thảo văn bản	3	TH VT	28C7	34		
65	Thứ 6 09/01/2026	Sáng	Tiếng Anh 1	2	TL	K29	222	8	A301, A302, A303, A304, A305, A306, A401, A402
66	Thứ 2 12/01/2026	Sáng	Nguyên lý thống kê	2	TL	29K, 29C7, 29KD	124	5	A302, A303, A304, A401, A402
67	Thứ 3 13/01/2026	Sáng	Tin học	3	TH VT	K29 GDNN	226	4	VT00, VT01, VT02, VT03
68		Chiều	Tin học	3	TH VT	K29 GDNN		4	VT00, VT01, VT02, VT03
69	Thứ 4 14/01/2026	Sáng	Tâm lý học Mầm non 1	2	TL	29M	69	3	A301, A302, A303
70			Toán ứng dụng trong Tin học	4	TL	29A3	20	1	A304
71		Chiều	Nghe 1	2	TN	29D1, 29D2	82	3	A301, A303, A305
72	Thứ 5 15/01/2026	Sáng_Ca1	Giáo dục chính trị	4	TN VT	K29 GDNN	224	3	VT00, VT01, VT02
73		Sáng_Ca2	Giáo dục chính trị	4	TN VT	K29 GDNN		3	VT00, VT01, VT02
74		Sáng_Ca3	Giáo dục chính trị	4	TN VT	K29 GDNN		3	VT00, VT01, VT02

Ghi chú:

- Sinh viên bắt buộc phải mang theo Thẻ Sinh viên để xuất trình khi vào phòng thi.
- Có mặt tại phòng thi trước giờ thi 30 phút để làm thủ tục và ổn định chỗ ngồi.
- Sinh viên liên hệ trực tiếp với khoa để biết lịch thi các học phần do khoa tổ chức.

1. Thời gian thi các ca thi:

- Sáng: Bắt đầu lúc 7 giờ 45 (sáng thứ Hai bắt đầu lúc 8 giờ 30).
- Chiều: Bắt đầu lúc 13 giờ 45.

2. Riêng các môn có hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính (TN VT):

- Sáng_Ca 1: Bắt đầu lúc 7 giờ 45.
- Sáng_Ca 2: Bắt đầu lúc 8 giờ 45.
- Sáng_Ca3: Bắt đầu lúc 9 giờ 45.
- Chiều_Ca1: Thi lúc 13 giờ 45.
- Chiều_Ca2: Thi lúc 14 giờ 45.

3. Các học phần do khoa tự tổ chức thi:**- Khóa 27:**

- + Kỹ năng thuyết trình, Nghe-Nói nâng cao, Phiên dịch: 27D1, D2.
- + Phương pháp nghiên cứu trẻ em, Quản lý HCNN và quản lý ngành, Rèn luyện NVSP thường xuyên 2: 27M.
- + Dự án, Kho dữ liệu, Xây dựng và quản trị mạng Lan: 27A3.
- + Khoa học giao tiếp: 27K.
- + Thương mại điện tử: 27KD.
- + Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý: 27C7.

- Khóa 28:

- + Làm đồ chơi, Rèn luyện NVSP thường xuyên 1, Nhạc 3: 28M.
- + Giao thoa văn hóa, Nói 3, Tiếng Anh khách sạn: 28D1,2.
- + Tiếng Nhật-Nghe nói 3: 28D6.

+ Thương mại điện tử: 28KD.

- Khóa 29:

+ Giáo dục thể chất 1: K29.

+ Múa cơ bản và biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc Mầm non, Văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm, Nhạc 1, Mỹ thuật: 29M.

+ Nói 1, Ngữ âm 1: 29D1,2.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường (báo cáo);
- Các phòng/khoa (t/h);
- Lưu: VT, QLKHBĐCL.

Q. HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Thế Hải